

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Địa chỉ: Phòng 306 - 308 - Tầng 3 - Tòa nhà Pacific - 83B - Lý Thường Kiệt - Hà Nội

Điện thoại: 04 3946 0312 - Fax: 04 3946 0316

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 - Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2011

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Địa chỉ: Phòng 306 - 308 - Tầng 3 - Tòa nhà Pacific - 83B - Lý Thường Kiệt - Hà Nội

Điện thoại: 04 3946 0312 - Fax: 04 3946 0316

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010	10 - 21



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng được thành lập theo giấy phép số 24/UBCK - GP do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 và giấy phép điều chỉnh số 45/UBCK - GP do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/06/2009. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ đồng).

Trong đó:

Các cổ đông	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty CP tư vấn đầu tư xuất khẩu xây dựng Việt Nam	1.400.000.000	5%
Ông Thang Văn Lương	9.800.000.000	35%
Ông Nguyễn Đình Đại	1.419.600.000	5,07%
Các cổ đông khác	15.380.400.000	54,93%
Cộng	28.000.000.000	100%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại: Phòng 306 - 308 - Tầng 3 - Tòa nhà Pacific - 83B - Lý Thường Kiệt - Hà Nội.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|---------------|
| 1 Ông: Thang Văn Lương | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông: Nguyễn Đình Đại | Ủy viên |
| 3 Ông: Nguyễn Nam Trung | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|----------------|
| 1 Ông Nguyễn Nam Trung | Tổng Giám đốc |
| 2 Bà Dương Thùy Minh | Kế toán trưởng |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 đã phản ánh trung thực về tình
- hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và Quy định hiện hành về kế toán Việt Nam;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng
- không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
 - Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

4. Các thông tin khác liên quan

Ngoài các sự kiện đã nêu trên và trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN:

Công ty Cổ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Nam Trung

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011



Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Số: 212/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng*

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHIẾN THẮNG

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng đã:

Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại

- a) thời điểm 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về Kế toán Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng giữ 06 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Phấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0928/KTV



Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Kim Thoa

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1303/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		20.999.189.644	22.011.131.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V/1	1.051.708.939	458.857.925
1. Tiền mặt tại quỹ	111		812.016.898	47.239.554
2. Tiền gửi ngân hàng	112		239.692.041	411.618.371
II. Đầu tư ngắn hạn	120		7.103.545.800	15.243.898.482
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V/2.1	497.945.800	1.053.898.482
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122	V/2.3	6.605.600.000	14.190.000.000
III. Các khoản phải thu	130		12.843.934.905	6.308.375.045
1. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		272.166.666	(660.000)
2. Phải thu khác	134		12.571.768.239	6.309.035.045
IV. Tài sản lưu động khác	150		-	-
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		954.014.856	1.921.587.919
I. Tài sản cố định	210		456.961.187	786.232.298
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V/4.1	439.070.368	635.853.380
- Nguyên giá	212		964.534.531	964.534.531
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	213		(525.464.163)	(328.681.151)
2. Tài sản cố định vô hình	217	V/4.2	17.890.819	150.378.918
- Nguyên giá	218		397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	219		(379.573.483)	(247.085.384)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		497.053.669	1.135.355.621
1. Chi phí trả trước	261		403.952.572	758.095.642
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262		93.101.097	377.259.979
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.953.204.500	23.932.719.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.324.251.365	6.491.872.915
I. Nợ ngắn hạn	310	V/6	3.324.251.365	6.491.872.915
1. Vay ngắn hạn	311		3.271.041.015	1.275.441.015
2. Phải trả người bán	312		30.000.000	30.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V/8	23.210.350	68.783.544
4. Phải trả công nhân viên	314		-	101.970.000
5. Chi phí phải trả	315		-	8.535.499
6. Phải trả, phải nộp khác	317		-	5.007.142.857
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.628.953.135	17.440.846.456
I. Nguồn vốn	410	V/7	18.628.953.135	17.440.846.456
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		28.000.000.000	28.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(9.371.046.865)	(10.559.153.544)
II. Quỹ	420	V/7	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		21.953.204.500	23.932.719.371

Kế toán trưởng

Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Nam Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	V/5	1.483.916.670	1.307.965.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (01 - 02)	10		1.483.916.670	1.307.965.888
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (10 - 11)	12		1.483.916.670	1.307.965.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13		3.256.071.794	5.373.179.780
7. Chi phí tài chính	14		861.258	474.326
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		3.726.462.535	4.503.455.161
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (12 + 13 - 14 - 15)	16		1.012.664.671	2.177.216.181
10. Thu nhập khác	17		485.220.239	1.832.295.023
11. Chi phí khác	18		309.778.231	1.169.474.323
12. Lợi nhuận khác (17 - 18)	19		175.442.008	662.820.700
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (16 + 19)	20		1.188.106.679	2.840.036.881
14. Thuế TNDN phải nộp	21		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (20 - 21)	22		1.188.106.679	2.840.036.881

Kế toán trưởng



Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011



Tổng Giám đốc
Nguyễn Nam Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

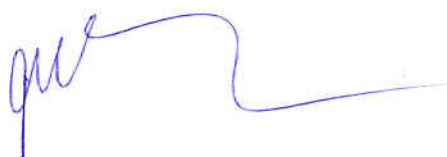
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		1.203.066.004	1.414.357.354
2. Nhận tiền và trả tiền ký quỹ, ký cược của khách hàng	04		-	283.844.505
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		726.171.820	1.431.764.925
4. Tiền trả cho người cung cấp	06		(1.526.825.097)	(3.418.842.568)
5. Tiền chi trả lãi vay	07		-	-
6. Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08		(338.474.486)	(1.000.338.786)
7. Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(1.471.091.700)	(3.911.588.009)
8. Tiền chi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ	10			(2.148.000)
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(5.339.571.817)	(136.454.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.746.725.276)	(5.339.405.159)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ	31		-	-
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	32		175.000.000	41.042.018
3. Tiền đầu tư chứng khoán	33		(5.141.306.200)	(13.033.287.831)
4. Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34		8.439.217.497	21.916.566.437
5. Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35		-	-
6. Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	36		-	-
7. Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		39.750.878	106.754.007
8. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38		6.684.902.890	14.758.416
9. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39		(4.855.646.328)	(48.328.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		5.341.918.737	8.997.504.836
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	41		6.000.000.000	-
2. Tiền chi trả V góp cho CSH, mua lại CP	42		(6.000.000.000)	-
3. Tiền đi vay	43		4.995.600.000	6.156.025.672
4. Tiền trả nợ vay	44		(3.000.000.000)	(7.795.974.608)
5. Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47		712.057.553	5.010.227.601
6. Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48		(710.000.000)	(6.590.383.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		1.997.657.553	(3.220.104.725)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (30 + 40 + 50)	60		592.851.014	437.994.952
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	70		458.857.925	20.862.973
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (60 + 70 +/- 80)	90		1.051.708.939	458.857.925

Kế toán trưởng



Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Nam Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng được thành lập theo giấy phép số 24/UBCK - GP do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 và giấy phép điều chỉnh số 45/UBCK - GP do Chủ tịch ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/06/2009. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: 28.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng chẵn).

Trong đó:

Các cổ đông	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty CP tư vấn đầu tư xuất khẩu xây dựng Việt Nam	1.400.000.000	5%
Ông Thang Văn Lương	9.800.000.000	35%
Ông Nguyễn Đình Đại	1.419.600.000	5,07%
Các cổ đông khác	15.380.400.000	54,93%
Cộng	28.000.000.000	100%

Công ty có trụ sở tại: Phòng 306 - 308 - Tầng 3 - Tòa nhà Pacific - 83B - Lý Thường Kiệt - Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh:**3. Ngành nghề kinh doanh:**

* Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty đầu tư chứng khoán;

* Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005 QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ở các Ngân hàng, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, các khoản tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm Báo cáo.

1.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán

- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp
- * Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính):**

- Tài sản cố định của Công ty được ghi nhận ban đầu theo Nguyên giá. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được xác định theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 6 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được ghi nhận theo giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phải phân bổ nhiều năm;
 - Tiền thuê cơ sở hạ tầng đã trả trước cho nhiều năm và phục vụ cho kinh doanh nhiều kỳ nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng;
 - Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định;
 - Các khoản khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: được trích theo tỷ lệ 1 - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Trong năm 2010 đơn vị chưa thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

8.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

8.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

- Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.
- Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

11.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
 - * Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng: Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư do Công ty cung cấp không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT. Công ty kê khai, nộp thuế GTGT đối với hoạt động khác: cho thuê văn phòng, bán thanh lý tài sản cố định.
- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty chưa phát sinh nghiệp vụ này
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo tài chính (Đơn vị tính: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Tiền mặt	47.239.554	16.618.517.255	15.853.739.911	812.016.898
Tiền gửi ngân hàng	411.618.371	16.092.166.344	16.264.092.674	239.692.041
Cộng	458.857.925	32.710.683.599	32.117.832.585	1.051.708.939

2. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

2.1 Tình hình đầu tư chứng khoán

Chỉ tiêu	Mua		Bán		Giá trị tồn cuối kỳ
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
1. Chứng khoán kinh doanh					
<i>Cổ phiếu</i>	<i>105.400</i>	<i>3.275.706.200</i>	<i>117.455</i>	<i>3.639.217.497</i>	<i>497.945.800</i>
Công ty CP Thủy sản MêKong	3.000	112.368.300	3.000	100.648.800	-
Tổng CT phân bón và hóa chất dầu	5.000	172.758.750	5.000	169.745.000	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	5.000	127.691.250	5.000	116.425.100	-
Công ty CP Chứng khoán TP Hồ Chí Minh	2.000	113.169.500	2.000	126.809.500	-
Công ty CP Hữu Liên á Châu	15.000	374.561.000	15.000	258.007.407	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Tân Tạo	14.400	333.499.500	14.400	224.303.040	-
Công ty CP Licogi 16	2.000	163.244.500	5.000	379.929.250	-
Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	39.000	863.693.600	17.000	388.716.050	497.945.800
Công ty CP ĐT Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà	4.000	302.453.000	4.000	325.511.000	-
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	10.000	438.156.250	10.000	291.562.000	-
Công ty CP DV tổng hợp Sài Gòn	5.000	205.007.050	5.000	163.754.000	-
Công ty CP ĐT hạ tầng kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	-	-	3.000	202.196.250	-
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	-	-	55	2.346.000	-
Công ty CP Xây dựng số 3	1.000	69.103.500	6.000	414.177.800	-
Tổng CT CP XNK và XD Việt Nam	-	-	3.000	175.536.300	-
Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam	-	-	20.000	299.550.000	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Chứng khoán khác	-	-	-	-	-
2. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán					
Cổ phiếu	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Chứng khoán khác	-	-	-	-	-
3. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn					

2.2 *Tình hình cổ phiếu quỹ (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)*

2.3 *Đầu tư khác*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Công ty CP SX Thép Mitsubina	-	1.865.600.000	-	1.865.600.000
Công ty CP ĐT và TM Thăng Long	1.490.000.000	-	750.000.000	740.000.000
Công ty CP ĐT và QL TS Thế Hệ Mới	5.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP XM Thanh Sơn	7.700.000.000	-	7.700.000.000	-
Cộng	14.190.000.000	5.865.600.000	13.450.000.000	6.605.600.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

3. Tình hình trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng

- 3.1 Lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)
- 3.2 Lập và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Công ty không phát sinh nghiệp vụ này)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

- 4.1 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)
- 4.2 Tăng, giảm tài sản cố định vô (Phụ lục 02)

5. Chi tiết các khoản doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ phí quản lý	1.483.916.670	1.307.965.888
Doanh thu từ phí tư vấn	-	-
Doanh thu từ phí phát hành	-	-
Doanh thu khác	485.220.239	1.832.295.023

6. Tình hình nợ phải trả (Phụ lục 03)

7. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguồn vốn	17.440.846.456	1.188.106.679	-	18.628.953.135
Vốn kinh doanh	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Lợi nhuận tích lũy	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Nguồn vốn khác	-	-	-	-
Quỹ dự trữ	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(10.559.153.544)	1.188.106.679	-	(9.371.046.865)
II. Quỹ	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Tổng cộng	17.440.846.456	1.188.106.679	-	18.628.953.135

8. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (Phụ lục 04)

9. Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh

10. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định/Tổng tài sản	2,08%	3,29%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	95,65%	91,97%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

2. Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu và thu nhập khác	22,74%	33,36%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	6,38%	16,28%
3. Tình hình tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	15,14%	27,13%
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	245,33%	241,88%
Tỷ lệ đầu tư tài sản/Vốn chủ sở hữu	2,45%	4,51%

VI. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

3. Thông tin về các bên liên quan

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Kế toán trưởng

Dương Thùy Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Nam Trung

Phụ lục 01

Đơn vị tính: đồng

4.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu năm	-	216.163.531	748.371.000	-	-	964.534.531
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	216.163.531	748.371.000	-	-	964.534.531
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	141.588.395	187.092.756	-	-	328.681.151
Tăng trong năm	-	72.054.512	124.728.500	-	-	196.783.012
- Khấu hao trong năm	-	72.054.512	124.728.500	-	-	196.783.012
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	213.642.907	311.821.256	-	-	525.464.163
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	-	74.575.136	561.278.244	-	-	635.853.380
- Tại ngày cuối năm	-	2.520.624	436.549.744	-	-	439.070.368

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục 02**4.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	247.085.384	247.085.384
2. Số tăng trong năm	-	-	-	132.488.099	132.488.099
- Khấu hao trong năm	-	-	-	132.488.099	132.488.099
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	379.573.483	379.573.483
Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	150.378.918	150.378.918
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	17.890.819	17.890.819

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục 03

Đơn vị tính: đồng

6. Tình hình tăng giảm nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Tổng số tiền tranh chấp, mất khả năng thanh toán
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
I. Nợ ngắn hạn	6.491.872.915	-	9.211.961.833	12.379.583.383	3.324.251.365	-	-
Vay ngắn hạn	1.275.441.015	-	4.995.600.000	3.000.000.000	3.271.041.015	-	-
Phải trả cho người bán	30.000.000	-	2.117.318.511	2.117.318.511	30.000.000	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	68.783.544	-	343.145.493	388.718.687	23.210.350	-	-
Phải trả nhân viên	101.970.000	-	1.484.201.160	1.586.171.160	-	-	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	8.535.499	-	20.166.669	28.702.168	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác	5.007.142.857	-	251.530.000	5.258.672.857	-	-	-
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả người ủy thác đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	6.491.872.915	-	9.211.961.833	12.379.583.383	3.324.251.365	-	-



Phụ lục 04

Đơn vị tính: đồng

8. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nợ đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Số còn phải nợ cuối năm
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16)	10	68.783.544	295.486.334	341.059.528	295.486.334	341.059.528	23.210.350
1. Thuế tiêu thụ đặc biệt	11	-	-	-	-	-	-
2. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	12	-	-	-	-	-	-
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-	-	-	-	-
4. Thuế nhà đất	14	-	-	-	-	-	-
5. Tiền thuế đất	15	-	-	-	-	-	-
6. Các loại thuế khác	16	68.783.544	295.486.334	341.059.528	295.486.334	341.059.528	23.210.350
II. Các khoản phải nộp khác (20 = 21 + 22)	20	-	-	-	-	-	-
1. Các khoản phí, lệ phí	21	-	-	-	-	-	-
2. Các khoản phải nộp khác	22	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng (30 = 10+ 20)	30	68.783.544	295.486.334	341.059.528	295.486.334	341.059.528	23.210.350

